

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS - ST

Ngày: 05 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mùi, ông Dương Văn Sinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:
Ông Chu Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2020/TLST- HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Trần Thị T; có vợ là Bùi Thị Th và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2008/HSST ngày 17/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển hàng cấm” (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/10/2019 đến ngày 28/10/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

** Những người làm chứng:*

1. Anh Vũ Trí B, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu dân cư T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/10/2019, Vũ Văn T gặp đối tượng tên Q (là người T quen biết ngoài xã hội nhưng không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực chợ S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, Q nhờ T vận chuyển pháo cho khách của Q và sẽ trả cho T 1.000.000 đồng tiền công, T đồng ý. Q đã đọc cho T ghi số lượng và các loại pháo vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long và cho T 02 số điện thoại của người nhận pháo để T liên lạc. T lưu 02 số điện thoại đó vào danh bạ trên máy điện thoại loại Nokia 1202 có sim số 0328852597 của T là: “K tên 1” - số: 0985.312.927; “K tên 2” - số: 0563.748.631.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 21/10/2019, Q lái xe ô tô tải (chưa xác định được biển kiểm soát) chở 08 thùng pháo, trong đó có 07 thùng xốp màu trắng được dán kín và đánh số từ 01 đến 07; 01 thùng bìa cát tông bìa Sài Gòn màu xanh đến giao cho T ở cổng nhà T để T vận chuyển giao cho khách mua pháo của Q. Sau khi giao pháo, T dùng điện thoại di động của mình gọi đến số điện thoại 0563.748.631 hẹn gặp khách mua pháo của Q tại chợ S để giao pháo. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter màu xanh, biển kiểm soát 16K2 - 1921 ra chợ S và gặp anh Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô tải màu xanh, biển kiểm soát 34C - 207.62 đi cùng với một người thanh niên (chưa rõ nhân thân, lý lịch), T đến hỏi người thanh niên ngồi ở ghế phụ: “*Có phải khách của Q không?*” thì người này bảo: “*Đúng*”. Sau đó, T đi xe mô tô dẫn anh T cùng người thanh niên tới cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố C, tỉnh Hải Dương bảo chờ ở đó, còn T đi về nhà để lấy pháo. T đến gặp anh Vũ Trí B là người ở cạnh nhà T có xe ô tô tải biển kiểm soát 34C - 142.72 nhờ anh B chở giúp pháo. Anh B không biết đó là pháo nên đã đồng ý chở cho T. T đã vận chuyển 07 thùng xốp bên trong có chứa pháo lên xe ô tô của anh B, còn 01 thùng pháo loại bìa cát tông màu xanh T để ở bụng xe mô tô biển kiểm soát 16K2 - 1921 đi trước dẫn đường cho anh B. Khi đi tới cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố C, tỉnh Hải Dương. T giao cho người thanh niên ngồi trên xe của anh T số pháo trên và đưa vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã ghi số lượng các loại pháo cho người thanh niên đó. Bản thân anh T không biết người thanh niên thuê xe đi chở pháo và không biết nhân thân, lai lịch người này. Người thanh niên này xem và xé một góc thùng bìa ra để xem thì có nhìn thấy bên trong có chứa pháo. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày khi T vừa giao hết 08 thùng pháo sang xe ô tô tải của anh T thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số 07 thùng xốp mỗi thùng có kích thước (60 x 41 x 45) cm (được niêm phong ký hiệu từ M1 đến M7) và 01 thùng cát tông màu xanh có kích thước (39 x 27 x 12) cm (được niêm phong ký hiệu M8) và 02 xe ô tô, 01 xe mô tô và 01 điện thoại Nokia 1202 của T. Trong lúc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương tiến hành bắt quả tang, lợi dụng sơ hở người thanh niên nhận pháo đã bỏ trốn.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn T tại khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương, Cơ quan cảnh sát điều tra đã phát hiện thu giữ tại kho phía sau của cửa hàng tạp hóa của gia đình T 03 túi nilon màu xanh và đen được niêm

phong trong thùng cát tông kích thước (40 x 45 x 23) cm ký hiệu M9; thu giữ tại nhà bếp 02 túi nilon màu đen, 01 túi nilon màu xanh, 01 túi nilon màu trắng, 01 hộp hình vuông được niêm phong trong thùng cát tông kích thước (40 x 30 x 30) cm ký hiệu M10. T khai nhận số pháo này được Q cho từ đầu năm 2019 để sử dụng nhưng T chưa sử dụng đang cất giấu tại nhà mình.

Tại bản kết luận giám định số 6272/C09-P2 ngày 22/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Các mẫu vật thu giữ ký hiệu từ M1 đến M8 đều là pháo nổ và pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (*Có chứa thuốc pháo và khi đốt gây tiếng nổ*), tổng khối lượng các mẫu từ M1 đến M8 là 112,1kg .

- Các mẫu vật thu giữ ký hiệu M9 và M10 đều là pháo nổ; pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (*Có chứa thuốc pháo và khi đốt gây tiếng nổ*), tổng khối lượng mẫu M9 và M10 là 13kg;

Tổng khối lượng pháo gửi giám định là 125,1kg.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-CL ngày 06/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về các tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm c khoản 1 Điều 191 và tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như nêu ở trên, thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với mình là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt. Bà Bùi Thị Th là vợ bị cáo xác định bà không biết việc bị cáo có hành vi tàng trữ và vận chuyển pháo, chỉ khi bị cáo bị lực lượng Công an bắt giữ bà mới biết. Chiếc xe mô tô Yamaha, loại xe Jupiter màu xanh, biển kiểm soát 16K2 – 1921 mà bị cáo sử dụng để vận chuyển pháo là tài sản chung của bà và bị cáo, bà đề nghị được xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm các tội “Tàng trữ hàng cấm” và “Vận chuyển hàng cấm”. Áp dụng điểm c khoản 1, điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù về tội “Tàng trữ hàng cấm”, từ 48 đến 54 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 57 đến 66 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/10/2019; về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước; về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1202 màu xanh xám, bên trong lắp sim số 0328852597; tịch thu phát mại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 16K2-1921, sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị, $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại trả lại bà Bùi Thị Th, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Trả lại bị cáo Vũ Văn T 01 Giấy phép lái xe số AS 342300 mang tên Vũ Văn T; về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản làm việc, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 21/10/2019 tại khu vực cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố C, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn T có hành vi vận chuyển 112,1 kg pháo nổ cho đối tượng tên là Q để nhận 1.000.000 đồng tiền công thì bị lực lượng Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ của Vũ Văn T tại khu dân cư M, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương thu giữ 13kg pháo nổ mà Vũ Văn T đang cất giữ từ đầu năm 2019 với mục đích để sử dụng. Các hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” và tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý một số loại hàng hoá của Nhà nước, trong đó có pháo nổ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc Nhà nước nghiêm cấm các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo nổ nhưng bị cáo vẫn cố ý vận chuyển pháo về để thu lợi bất chính từ việc được trả tiền công vận chuyển và cất giữ trái phép pháo để sử dụng.

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2008/HSST ngày 17/7/2008 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Tuy bị cáo đã được xóa án tích đối với bản án trên nhưng xác định là bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém.

[7] Hiện nay tình trạng buôn bán và đốt pháo vẫn diễn ra tuy không công khai nhưng cũng tạo nhiều bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân nói chung và trên địa bàn thành phố Chí Linh nói riêng, nhiều vụ tai nạn có nguyên nhân từ việc đốt các loại

pháo gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, các hành vi bị cáo đã thực hiện và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự mới đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo bị xét xử cùng 01 lần về nhiều tội, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số pháo hoàn lại sau giám định là 91,9 kg thuộc loại hàng hóa Nhà nước cấm lưu hành, quá trình điều tra đã được tiêu hủy theo quy định nên không đặt ra xử lý. Đối với chiếc điện thoại Nokia 1202 kèm theo sim số 0328852597 đã thu giữ là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 16K2-1921 là tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo và vợ là bà Bùi Thị Th, bị cáo đã sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại, sung vào quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại trả lại bà Thúy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với Giấy phép lái xe số AS 342300 mang tên Vũ Văn T đã thu giữ không phải là vật chứng của vụ án nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với 02 chiếc xe ô tô đã thu giữ, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh B và anh T nên không đặt ra xử lý.

[9] Đối với đối tượng tên Q và người thanh niên mua pháo của Q, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau nên không xem xét.

[10] Anh Vũ Trí B và anh Nguyễn Văn T không biết số hàng được nhờ, thuê chở là pháo nên không đặt ra xử lý.

[11] Bà Bùi Thị Th là vợ bị cáo không biết việc bị cáo bị cáo tàng trữ pháo tại nhà và việc bị cáo nhận vận chuyển pháo thuê nên không đặt ra xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm các tội “Tàng trữ hàng cấm” và “Vận chuyển

hàng cấm”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ hàng cấm”, 54 (Năm mươi tư) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Vũ Văn T 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 1202 màu xanh xám, bên trong lắp sim số 0328852597 được đựng trong 01 niêm phong. Tịch thu phát mại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 16K2-1921, sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị, $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại trả lại bà Bùi Thị Th, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu dân cư M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Trả lại bị cáo Vũ Văn T 01 Giấy phép lái xe số AS 342300 mang tên Vũ Văn T.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đang quản lý, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2020 giữa Công an thành phố Chí Linh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an thành phố Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- CC THADS thành phố Chí Linh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm